

VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG TẠO TỪ TRONG TIẾNG VIỆT

VŨ ĐỨC NGHIỆU

1. Câu hỏi đặt ra : " Liệu có cơ sở hay không để nói tới sự biến đổi ngữ âm có tác dụng tạo từ trong tiếng Việt trước đây" chúng tôi đã có dịp đề cập ⁽¹⁾. Tiếp tục theo dõi vấn đề này, hiện nay trong khi chờ đợi thu thập nguồn tư liệu đầy đủ hơn, chúng tôi xét các mục từ có ghi phụ âm kép BL, ML, TL trong từ điển Việt - Bồ Đào Nha - Latinh (thế kỷ XVII) ⁽²⁾ và đối chiếu với những cứ liệu tương ứng có liên quan trong Từ điển tiếng Việt (1988) ⁽³⁾ (chưa tính đến những khoảng thời gian tiếp nối ở giữa) để xem những diễn biến gì đã xảy ra, chúng xảy ra theo chiều hướng nào và đã đưa đến những kết quả nào.

2. Quá trình đơn hóa các phụ âm kép nêu trên đã hoàn thành từ khá lâu và các khảo sát về ngữ âm lịch sử tiếng Việt của nhiều nhà nghiên cứu cho thấy : Chúng có thể :

a) Rụng đi một trong hai yếu tố (trước hoặc sau) :

hên mlạt - hên mạt, ngời biệt - ngời bệt, tloo tlo - lloo lo...

b) Biến đổi thành một phụ âm khác bằng con đường biến đổi hòa hợp :

blăng - trắng, mlăm - nhăm, tlợn - trợn...

c) Âm tiết hóa, tạo thành từ hai âm tiết. Điều này mới chỉ được ít người nói tới và từ điển V-B-L cũng không ghi trường hợp nào. Tuy vậy, các cứ liệu phương ngữ cùng với các cứ liệu ngữ văn (chữ nôm) và một số ngôn ngữ thân thuộc cho thấy rằng có cơ sở để nói tới một xu hướng như vậy.

Thực tế là tiếng Việt có những nhóm từ trong đó gồm những từ rất gần nhau hoặc có liên quan với nhau về nghĩa mà ngữ âm của chúng, nhìn cho kỹ, lại là những biến dạng của nhau theo đúng quy luật của ngữ âm lịch sử tiếng Việt. Vì vậy chỉ có căn cứ vào cách nhìn lịch sử mới có thể giải thích được những nhóm từ đó. Ví dụ :

Từ *Trên* hiện nay (từ điển V-B-L ghi dạng *tlên tlàng*) hẳn phải là kết quả biến đổi từ *tlên*. Khi *tl* rụng yếu tố sau, *tlên* cho ta *tên*. Nó cũng cho ta *thên* và *thên lện* khi *tl* tách đôi và *t* bật hơi biến thành *th* rồi ghép với phần vần sẵn có (kèm theo sự biến thanh điệu). Nói tóm lại, xu hướng này là tách đôi phụ âm kép. Ngoài ra, trong quá trình biến đổi còn có thể có một số hệ quả khác nữa. Chẳng hạn TR dẫn xuất từ BL, TL nhưng TR lại có

thể cho S hoặc X và cả CH, tùy phương ngữ.

Mặt khác, mỗi một từ có phụ âm kép như thế có thể cùng biến đổi theo nhiều hướng khác nhau chứ không phải chỉ bắt buộc biến đổi theo một hướng nào (ví dụ : blệt - bệt - trệt - phệt - bết - sệt).

Về các hướng biến đổi ngữ âm như nêu trên, chúng tôi đã nói tới trong những bài báo trước. Dưới đây, chúng tôi sẽ chủ yếu đi vào xem xét những biến đổi ở mặt được biểu hiện của các từ. (Các nghĩa của từ được dẫn trong bài, đều giữ nguyên theo Từ điển tiếng Việt 1988, tuy đôi điểm chưa thật tốt lắm)

3. Trong số các từ mà chúng tôi thu thập, có thể lấy ra hơn 60 từ làm trung tâm để tập hợp những nhóm từ tương ứng sao cho trong mỗi nhóm, các từ đều bảo đảm hai tiêu chí :

a) Gần giống nhau hoặc giống nhau về nghĩa.

b) Âm đầu của chúng có liên hệ với nhau về âm vị học và ngữ âm lịch sử hoàn toàn có thể chứng minh được. Ví dụ : blóc - tróc - bóc - gióc - róc.

Hơn 60 nhóm từ đó có thể chia thành hai loại :

Loại thứ nhất hơn 20 nhóm gồm những nhóm thường tạo thành từng cặp, trước nay vẫn quen gọi là biến dạng ngữ âm mang tính địa phương của từ : trai - giai, trào - giào, lằm - nhằm, lời - nhời. . .

Loại thứ hai hơn 40 nhóm. Các từ của mỗi nhóm có nghĩa gần hoặc rất gần nhau, không gồm những cặp như loại trên : tránh - lánh, tróc - bóc - tốc - xóc - thốc.

Tuy nhiên, xem xét kỹ thì tình hình không chỉ đơn giản như vậy.

3.a. Đối với loại thứ nhất, trong mỗi cặp từ có một từ phổ biến trong ngôn ngữ toàn dân, một từ mang tính địa phương.

Trong khi có những cặp song song tồn tại cho đến nay (lằm - nhằm) thì có nhiều cặp tương tự như vậy chỉ còn lưu giữ một biến dạng hoặc chỉ có một dạng được dùng trong ngôn ngữ toàn dân.

Ví dụ : mlọt - lốt - nhót.

mlặt - lặt - nhặt.

Những cặp biến dạng song song tồn tại phải có lý do, có giá trị của chúng, nếu không, sẽ vi phạm quy tắc tiết kiệm của ngôn ngữ. Ở đây có ba khả năng :

K.1. Hai dạng "đồng nghĩa" với nhau hoàn toàn, chỉ khác nhau về sắc thái phong cách (phạm vi sử dụng). Trường hợp này có thể nói được A là B + x hoặc B là A + y (trong đó x và y là những khác biệt giữa A với B như phạm vi kết hợp, phạm vi sử dụng...). Ví dụ : lời - nhời, trầu - giầu, lỡ - nhờ. . . Ta có *sai lằm*, có *lời bài hát* mà không có *sai nhằm*, *nhời bài hát*. . .

K.2. Trong các biến dạng (các từ) có thể một dạng đã có nghĩa chuyển, trở nên là từ

đa nghĩa, và ở cái nghĩa tương đồng của chúng đã có sự khu biệt về mức độ rộng - hẹp, trừu tượng - cụ thể. . . Mặt khác, giữa chúng cũng có thể đã có phân phối lại với nhau về nghĩa.

Ví dụ : *nhất* 1/ Đơn vị chỉ một lần thực hiện động tác chặt, chém, cắt. . .

2/ id. Như *lát* 1.

Lát : 1. Miếng mỏng được thái ra hoặc cắt theo chiều ngang.

2. đp. Như *nhất* 1 (lát dao).

Trường hợp : *lật* - *nhặt*, *lầm* - *nhầm*. . . cũng có những tình hình tương tự như vậy.

K.3. Hai dạng đều đã có nghĩa chuyển của riêng mình theo những hướng khác nhau, khiến người ta khó nhận ra nguồn gốc hoặc những khác biệt về tính phương ngữ của chúng. Ví dụ : so sánh *lụt* và *nhụt*.

Lụt : 1. (Nói về bắc đèn) đã cháy cụt đi.

2. Cùn.

3. Đuối kém hẳn đi so với trước, không tiến lên được.

Nhụt : 1. Kém sắc, kém nhọn.

2. Giảm sút về ý chí tinh thần.

Mỗi từ trên đây đều đa nghĩa. Trong khi nghĩa 2, nghĩa 3 của *lụt* (vốn là nghĩa cũ được bảo lưu và phái sinh của nghĩa cũ) hiện nay ít dùng, thì cả hai nghĩa của *nhụt*, như là những biến dạng tương ứng của chúng, hiện nay lại dùng phổ biến.

Những từ như vừa nêu, nếu phân tích kỹ, nhất định sẽ thấy chúng có những khác biệt, những đối lập (dù là rất nhỏ) ở mặt này hay mặt khác, và chính đó là lý do tồn tại của chúng. Nếu không có đối lập, không còn khác biệt và giá trị, chắc chắn một trong những dạng đó phải :

- Hoặc là mất đi bởi lý do xung đột đồng nghĩa (*lót* - *nhót*, *lài quạt* - *nhài quạt*. . .).

- Hoặc là chỉ được dùng trong một phạm vi phương ngữ nào đó (*lọ* - *nhọ*, *lề* - *nhề*...).

Tuy nhiên ở đây vẫn còn có những cặp từ như *lầm* - *nhầm*, *nhận* - *dận*, *nhơ* - *dơ*, *trây* - *giây*. . . mà cả hai dạng trong mỗi cặp đều cùng tồn tại, cùng được ghi nhận khá đều đặn trong nhiều từ điển. Ví dụ : So sánh qua :

I. Dictionarium Anamitico Latinum của Pignau de Behaine (1741-1799).

II. Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Paulus Của Sài Gòn, 1895.

III. Việt Nam tự điển của Hội khai trí tiến đức. Hà nội, 1931.

IV. Việt Nam tân từ điển của Thanh Nghị. NXB Thời thế. Sài Gòn.

V. Từ điển tiếng Việt Văn Tân chủ biên. Hà nội, 1977.

VI. Từ điển tiếng Việt. Viện Ngôn ngữ học Việt Nam. Hà nội, 1988.

	I	II	III	IV	V	VI
Lầm	+	+	+	+	+	+
Nhầm	-	-	+	+	+	+
Nhơ	+	+	+	+	+	+
Dơ	+	+	-	+	+	+
Trây	+	+	+	+	-	-
Giây	-	-	+	+	+	+
(...)						

Khả năng kết hợp và dung lượng nghĩa của những từ đó không hoàn toàn trùng nhau. Chúng tạo thành những nhóm từ mà trước đây theo một vài quan niệm thường gặp, người ta vẫn gọi là từ đồng nghĩa, mặc dù quan hệ nguồn gốc của chúng trong lịch sử chưa hề mờ nhạt.

3.b. Hơn 40 nhóm từ còn lại phản ánh một tình trạng biến đổi đa dạng hơn nhiều. Chúng có thể gồm nhiều hoặc ít từ, tùy theo, và ở đây cũng có những từ mà nghĩa này thì được dùng trong phạm vi phương ngữ, nghĩa kia lại được dùng trong phạm vi ngôn ngữ toàn dân. Vì thế, tính phương ngữ (nếu có) trong đối lập giữa từ này với từ kia cũng rất lu mờ, và hầu như không được đặt ra (chẳng hạn : tròng - lòng).

Dưới đây là một số ví dụ :

VD 1 : So sánh *tránh* và *lánh*. Hai từ này đều dẫn xuất từ *lánh*. Hiện nay *tránh* có nhiều nghĩa nhưng nét nổi bật là : tìm cách để khỏi phải gặp, khỏi phải làm, khỏi phải xảy ra điều gì đó.

Lánh có nghĩa : dời xa đi để tránh người nào hoặc cái gì đó coi là không hay cho mình.

Vì vậy, người ta hay nói : *Tránh xa, lánh nạn* . . . mà ít nói : *Lánh xa, tránh nạn* . . . nói *tránh tiếng, lánh mình* . . . mà không nói *lánh tiếng, tránh mình* . . .

VD 2 : So sánh : *bóc - lột - bóc - lột*.

Tróc : Mất đi, rời ra, không còn dính nữa (mảng da, lớp vỏ mỏng ngoài. . .).

Lóc : Dùng dao tách lấy riêng lớp da, thịt bám vào xương.

(đp. Nói về vật mỏng để bị tróc khỏi).

Bóc : Lấy đi lớp vỏ ngoài hoặc phần bóc, dán bên ngoài.

Gióc : đp. (Nói về lớp cơm cháy) để bị tróc ra, để lấy được.

Róc : Tách bỏ bằng lưỡi sắc phần bên ngoài của vật cứng, thường là cả phần vỏ.

Mỗi từ trong nhóm có thể đơn nghĩa hay đa nghĩa, điều đó không quan trọng, vì đó là kết quả phát triển riêng của từng từ. Thế nhưng nhìn vào cái nghĩa tương đồng của các

từ đó, có thể thấy y như thế là nghĩa của từ này đã được phái sinh trên cơ sở nghĩa của từ kia bằng một phép chuyển nghĩa ẩn dụ vậy. Đến lượt mình, mỗi từ, nếu là đa nghĩa, lại có những nghĩa chuyển riêng được xây dựng bằng những con đường riêng.

4. Tới đây, các từ đang xét khiến ta phải nghĩ tới ba vấn đề.

a) Về mặt ngữ âm, tác động của xu hướng đơn hóa các phụ âm kép và các qui luật ngữ âm lịch sử khác đã làm cho vỏ ngữ âm của từ ban đầu (từ mang phụ âm kép) biến đổi, xê dịch đi theo những "bước trượt" và kết quả của chúng cho ta những biến dạng chỉ khác nhau ở phụ âm đầu, còn phần vần vẫn được bảo lưu. Ví dụ :

hlóc - tróc - bóc - lóc - gióc.

tlên - trên - tẽn - then - thên lện.

b) Về mặt ý nghĩa, từ một từ ban đầu (A) mang nghĩa S1 khi hình thành từ lân cận (B, C, D) . . . (có nghĩa tương ứng S2, S3, Sn) chính là sự xê dịch dần dần, vừa bảo lưu những nét giống với S1, lại vừa có những nét khác với nó.

Nếu trừu tượng hóa một chút, ta có thể hình dung mỗi nhóm từ đó như một từ đa nghĩa, một mẫu số chung mà trong đó mỗi từ đánh dấu tương đương với một nghĩa, thì nghĩa này (từ này) như thế là được xây dựng trên cơ sở nghĩa kia (từ kia) nhờ một phép chuyển nghĩa nào đó.

c) Nếu một từ ban đầu (giả định là một nghĩa) giữ nguyên vỏ ngữ âm, và chỉ xê dịch, thay đổi những cái được biểu hiện của nó đi thì sẽ tạo thêm nghĩa mới cho từ, làm cho từ đó trở thành đa nghĩa và giới hạn tận cùng là sẽ cho ta một từ đồng âm, Ví dụ : Cây (rau) - cây (vàng). chân (người) - chân (tường) . . .

Ngược lại, nếu từ đó thay đổi hoàn toàn cái biểu hiện còn cái được biểu hiện của nó vẫn giữ nguyên, thì sẽ cho ta một từ mới đồng nghĩa với nó. Tuy nhiên đó là các khả năng lý thuyết.

Ở đây, những từ đang xét không chỉ rơi vào một trong hai khả năng vừa nêu mà :

- Trong khi biến đổi, xê dịch vỏ ngữ âm, phần vần của từ gốc ban đầu vẫn được bảo lưu.

- Mỗi từ hình thành sau so với từ trước đều vừa giống lại vừa khác ở cả hai mặt ngữ âm và ý nghĩa. Đó là điều cần được chú ý.

5. Sự biến đổi của ngữ âm lịch sử đã dẫn đến những dạng khác nhau của từ rồi cố định lại thành những từ khác nhau hay là có một phương thức tạo từ thuộc hình thái học tiếng Việt trước đây như vậy ? Trong tiếng Việt ngày nay, hiện tượng đó còn diễn ra nữa hay không ? Ngữ âm của từ gốc (từ có trước) đã biến đổi, xê dịch trước rồi được cố định lại cho một cái được biểu hiện mới, tạo thành một từ mới, lân cận với từ gốc, hay là sự xê dịch của cái được biểu hiện đi trước một bước rồi mới dẫn đến sự xê dịch của cái biểu hiện (ngữ âm), hay là hai việc đó xảy ra đồng thời ? . . . Tất cả những câu hỏi đó

hiện giờ chúng tôi chưa rõ và chưa có đủ dữ kiện cho kết luận cuối cùng.

Tuy nhiên có cơ sở để chắc rằng có những từ tiếng Việt đã xuất phát từ cùng một nguồn gốc bằng con đường xê dịch cả vỏ ngữ âm lẫn ý nghĩa của từ gốc. Hiện tượng tạo từ này, thực tế chưa được lưu ý nghiên cứu một cách thích đáng và kỹ lưỡng. Hơn 60 nhóm từ mà chúng tôi đề cập ở đây chỉ là một ví dụ cho nguồn tư liệu thực tế của tiếng Việt còn phong phú hơn nhiều. Những nhóm từ đó ứng với khái niệm từ từ (family of words) hơn là khái niệm từ tương tự (paronym) trong ngôn ngữ học châu Âu. Điều này chắc chắn còn liên quan đến vấn đề quan niệm và cách xử lý các từ đồng nghĩa tiếng Việt mà chúng tôi chưa có điều kiện khảo sát và trình bày ở đây. Nó cũng cho thấy rằng việc nghiên cứu các nhóm từ như thế bằng cách miêu tả hình thể của bộ máy phát âm hoặc ấn tượng cấu âm - thính giác do các khuôn âm thanh được phát ra gây nên. . . khó có thể hứa hẹn những giải đáp thực sự phân minh.

CHÚ THÍCH

(1) Xem : Vũ Đức Nghiệu :

- Về sự biến dịch âm - nghĩa ở một số nhóm từ trong tiếng Việt. Viện Ngôn ngữ học. UBKHXH VN. Những vấn đề ngôn ngữ học về các ngôn ngữ phương Đông. Hà nội, 1985.

Về hiện tượng tương tự của từ vựng tiếng Việt. Tạp chí Ngôn ngữ số 1.1990.

- Về một số nhóm từ cùng gốc trong tiếng Việt. Hội nghị khoa học "Ngôn ngữ và đời sống". Viện Ngôn ngữ học UBKHXHVN. Hà nội tháng 8-1990.

(2) A. de. Rhodes. Dictionarium Anamiticum, lusitanum et Latinum. Roma 1651. (Hà nội, 1991- Bản dịch).

(3) Viện Ngôn ngữ học. UBKHXH. Từ điển tiếng Việt. Hà nội, 1988.